TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/DS-ST
Ngày: 20/ 7 / 2021
"V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1987; địa chỉ: số 385 tổ 12, ấp HT, xã KA, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Thanh B, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp HT, xã KA, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quang S cho rằng, ngày 17/9/2019 ông Dương Thanh B có đến dịch vụ cầm đồ của ông S để hợp đồng cầm vay giấy xe mô tô biển số 67L1-801.08, giấy đăng ký xe do ông Dương Thanh B đứng tên, không thế chấp xe, với số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, sau khi ký hợp đồng ông B đã trả lãi được 04 tháng, từ ngày 17/01/2020 thì ngưng không trả lãi. Sau đó, ông S nhiều lần yêu cầu ông B trả tiền hoặc giao xe cho

ông S để thu hồi vốn và lãi nhưng ông B không trả nợ theo thỏa thuận. Vì vậy, ông S yêu cầu ông B trả tiền cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy là 5.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 17/01/2020 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất Nhà nước quy định.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: hợp đồng cầm vay giấy xe không thế chấp xe ngày 17/9/2019 có chữ ký, đề họ tên người cầm Dương Thanh B(bản photo).

Ông Dương Thanh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Dương Thanh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy, căn cứ ông S khởi kiện là hợp đồng cầm vay giấy xe không thế chấp xe ngày 17/9/2019 có chữ ký, đề họ tên người cầm Dương Thanh B. Cho nên việc ông S khởi kiện ông B là có căn cứ.

Về lãi suất, do ông B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S, nên ông S yêu cầu tính lãi suất là phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 309; 311 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S đối với ông B; buộc ông B trả cho ông S nợ vốn 5.000.000 đồng và tính lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Quang S khởi kiện yêu cầu ông Dương Thanh B trả nợ tiền cầm giấy đăng ký quyền sở hữu xe. Ông B đang cư trú tại ấp Hòa Thượng, xã KA, huyện C nên yêu cầu kiện của ông S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng cầm cố tài sản:

Ngày 17/9/2019 giữa ông Nguyễn Quang S và ông Dương Thanh B có xác lập hợp đồng cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy, biển số 67L1-801.08, do ông Dương Thanh B đứng tên, không thế chấp xe, với số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với Điều 309 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B không trả tiền lãi và tiền vốn cho ông S khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông S khởi kiện yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả số tiền 5.000.000đ là phù hợp nghĩ nên chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi: Ông Nguyễn Quang S có đăng ký kinh doanh, dịch vụ cầm đồ, nên yêu cầu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 5.000.000 đồng, từ 17/01/2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên yêu cầu này của ông S là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tiền lãi được tính như sau:

5.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 18,3 tháng = 1.528.000 đồng.

Như vậy, tổng số nợ vốn, lãi là 6.528.000 đồng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông Dương Thanh B có nghĩa vụ cho ông Nguyễn Quang S số tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.528.000 đồng. Tổng cộng là 6.528.000 (Sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

[2.3] Xét, đối với việc ông Nguyễn Quang S nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Dương Thanh B, các bên không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, nên giao dịch chưa phát sinh hiệu lực. Vì vậy, việc ông Nguyễn Quang S nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Dương Thanh B là không phù hợp pháp luật. Do đó, ngay sau khi ông Dương Thanh B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Quang S có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Dương Thanh B.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông S là 326.000 đồng.

Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 309; 311; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 227; Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang S.

Buộc ông Dương Thanh B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quang S số tiền là 6.528.000 *(Sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngay sau khi ông Dương Thanh B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Quang S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Dương Thanh B, biển kiểm soát 67L1-801.08.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Thanh B phải chịu 326.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Quang S số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (Ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/002656 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Quang S có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Dương Thanh B được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Trần Ngọc Diệu